

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY



CẢNG CHÂN MÂY

ĐIỂM ĐẾN GẦN NHẤT CỦA TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Người được ủy quyền công bố thông tin

Họ và tên: Lê Văn Tiến

Chức danh: Trợ lý TGĐ

Số điện thoại: 0935.950.599

Fax: (84-234) 3 891.838

Thừa Thiên Huế, tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY
Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc,
tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel: (84-234) 3 891.841; Fax: (84-234) 3 891.838
Website: www.chanmayport.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Năm báo cáo: 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300515171
- Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 324.054.150.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Số điện thoại: (84-234) 3 891.841; - Số fax: (84-234) 3 891.838;
- Website: www.chanmayport.com.vn; - Mã cổ phiếu: CMP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Bến số 1 – Cảng Chân Mây được bắt đầu khởi công xây dựng vào ngày 25/3/2001, đến ngày 19/5/2003, công trình Bến số 1 được Cục Hàng hải Việt Nam công bố hoàn thành và cho phép đón tàu biển trong và ngoài nước có trọng tải lên đến 30.000DWT.

- Ngày 22/4/2003, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định số 1048/QĐ-UB giao cho Ban Quản lý dự án Chân Mây trực tiếp điều hành Cảng Chân Mây với tổng số cán bộ công nhân viên lúc đó khoảng 70 người;

- Ngày 07/12/2006, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 2789/QĐ-UB về việc chuyển đổi Ban Quản lý dự án Chân Mây thành Cảng Chân Mây.

- Ngày 12/01/2007, căn cứ Thông báo số 10/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ đồng ý về việc chuyển giao Cảng Chân Mây cho Tập đoàn Công nghiệp tàu thuỷ Việt Nam, đến ngày 28/09/2007, sau khi hoàn thành các thủ tục HĐTV Tập đoàn Công nghiệp tàu thuỷ Việt Nam đã có Quyết định số 3128/QĐ-CNT-TCCB-LĐ về việc thành lập Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây;

- Công ty cổ phần Cảng Chân Mây được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển

h

Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy thành Công ty cổ phần;

- Công ty cổ phần Cảng Chân Mây bắt đầu đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 26/6/2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300515171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/01/2022;

- Công ty được cấp chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu vào ngày 01/12/2015, lần thứ 2 vào ngày 15/11/2017;

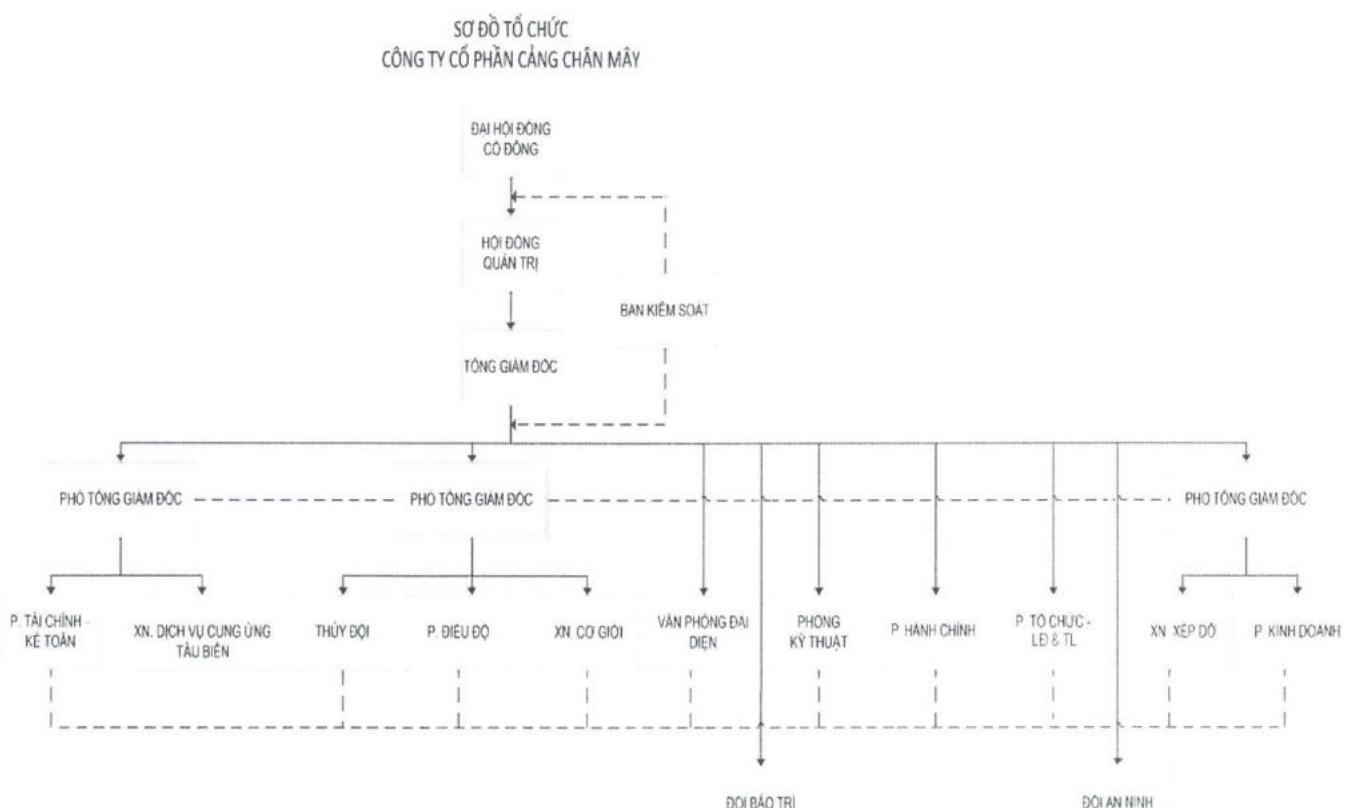
- Cổ phiếu của công ty được chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/02/2016 và đã được chấp nhận bổ sung đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu CMP thêm 1.543.115 cổ phiếu vào ngày 28/11/2017;

- Mã chứng khoán: CMP.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.



[Signature]



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH MAIN SERVICES

- Khai thác, xếp dỡ hàng tổng hợp và Container
- Dịch vụ cầu bến
- Dịch vụ kho bãi
- Tàu khách du lịch
- Dịch vụ tàu lai
- Vận tải thủy bộ
- Cung cấp nhiên liệu
- Dịch vụ sửa chữa
- Dịch vụ Logistic
- Các dịch vụ khác
- Handling services (General cargo and container cargo)
- Wharfing services
- Storage and warehouses services
- Cruise ship services
- Towage services
- Road and waterway transport
- Fuel supply
- Repairing services
- Logistics services
- Other marine services



CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC ENTERPRISES

XÍ NGHIỆP CƠ GIỚI MECHANICAL ENTERPRISE



XÍ NGHIỆP XẾP DỠ STEVEDORING ENTERPRISE



XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ CUNG ỨNG TÀU BIỂN SHIP SERVICES BUSINESS ENTERPRISE



Để hoàn thiện dịch vụ và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quý khách hàng khi đến với Cảng Chân Mây, chúng tôi đã và đang triển khai các dịch vụ Cung ứng Hàng hải: Xăng dầu, dầu nhớt các loại, điện, nước ngọt,... cho tất cả các phương tiện thủy bộ khi đến Cảng.

In order to improve our services and meet customer's needs, we are available to supply all marine services: bunker supplies (IFO, MDO, MGO), fresh water... for all transport means.

Please contact:
Tel: (84) 234.3891841(113)



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TARGETS OF DEVELOPMENT

TÀU CONTAINER
CONTAINER SHIPS

XÂY DỰNG KHU DEPOT
DEPOT BUILDING

TÀU HÀNG CÓ TRỌNG TẢI LỚN
BIG CARGO SHIPS

TÀU DU LỊCH
CRUISE SHIPS

NÂNG CAO DỊCH VỤ KHAI THÁC CẢNG
PORT OPERATIONS IMPROVING

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS
LOGISTICS SERVICES DEVELOPING

6. Các rủi ro

- Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:
- + Rủi ro về kỹ thuật: Sự cố hư hỏng máy móc thiết bị, phương tiện, cầu bến...;
- + Rủi ro bất khả kháng: Dịch bệnh (Covid...), thiên tai, bão lũ, cháy nổ...;
- + Các rủi ro khách quan khác: Chính sách, tiền tệ, đối thủ cạnh tranh....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

+ Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2021 đạt 3.119.098 tấn, tăng 29,5% so với cùng kì năm 2020 (Năm 2020: sản lượng đạt 2.408.118 tấn), đạt 106,1% kế hoạch 2021;

+ Tổng doanh thu đạt 168.622 triệu đồng, tăng 21,2% so với cùng kì năm 2020 (Năm 2020: Tổng doanh thu đạt 139.137 triệu đồng), đạt 104,1% kế hoạch năm 2021;

+ Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 2.175 triệu đồng, giảm 86,4% so với cùng kỳ năm 2020 (15.954 triệu đồng), đạt 130,9% kế hoạch năm 2021;

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty đạt hơn 1.852 tỷ đồng, chỉ bằng 13,51% so với cùng kỳ năm 2020 (13,71 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu doanh thu tăng nhưng chi tiêu lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020 là do Công ty đã bắt đầu chịu chi phí lãi vay và chi phí khấu hao cho công trình Bến số 2 bắt đầu từ Quý II/2021 khi Bến số 2 được đưa vào khai thác;

+ Tổng số lượt tàu ra vào cảng trong năm 2021 đạt 353 lượt tàu, tăng 36,8% so với cùng kỳ năm 2020 (258 lượt tàu). Lượng tàu du lịch đến Cảng Chân Mây trong năm 2021 là 0 lượt tàu. Lượt tàu ra vào Cảng tăng cao là nhờ việc đưa Bến số 2 vào hoạt động giữa năm 2021 giúp tăng năng lực cầu bến;

+ Nộp ngân sách 810 triệu đồng đạt 27% so với kế hoạch giao (3 tỷ đồng) giảm hơn 87% so với cùng kỳ năm 2020 (6,634 tỷ đồng);

+ Tổng số lao động bình quân là 303 người, đạt 99,7% so với kế hoạch đề ra và bằng 107,07% so với năm 2020 (283 người).

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2021:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So với KH năm 2021
1	Sản lượng TQ	Tấn	2.940.000	3.119.098	106,09%
2	Doanh thu từ SXKD	Triệu đồng	162.000	168.622	104,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.662	2.175	130,87%
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	3.000	810	27,00%
5	Lao động	Người	304	303	99,67%

Nhìn chung, các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh trong năm 2021 đều đạt so với kế hoạch đề ra, sản lượng hàng hóa thông qua cảng và doanh thu đều tăng so với năm 2020, tuy nhiên các chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách lại giảm do Bến số 02 đi vào hoạt động làm phát sinh chi phí khấu hao và lãi vay từ đầu tư xây dựng cơ bản công trình mới. Theo đó, chỉ tiêu đóng góp ngân sách cũng giảm vì được khấu trừ khoản thuế giá trị gia tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản.

Công tác điều độ được thực hiện tốt từ công tác cập nhật thông tin lịch tàu, điều động tàu thuyền cập và rời bến, điều phối nhân lực thiết bị làm hàng...

Công tác bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị được tiến hành thường xuyên, kịp thời đảm bảo sẵn sàng phục vụ khi có yêu cầu triển khai công tác.

Mạng lưới An toàn - vệ sinh viên tại đơn vị cũng phát huy vai trò, nhiệm vụ của mình trong hoạt động sản xuất. Thường xuyên nâng cao ý thức chấp hành qui định về An toàn - vệ sinh lao động và công tác phòng cháy chữa cháy trong sản xuất.

Công tác xây dựng giai đoạn 1 Bến số 02 đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ tháng 7/2021. Bến số 02 đi vào hoạt động đã giảm được áp lực cho Bến số 01 đồng thời tăng khả năng tiếp nhận tàu hàng, giải phóng hàng hóa nhanh và được các chủ hàng đánh giá cao. Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành thực hiện giai đoạn hoàn thiện của Bến số 02.

Bên cạnh đó vẫn tồn tại rất nhiều khó khăn đã và đang tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Cụ thể như:

Dịch bệnh Covíd-19 đã làm đứt gãy cả tuyến vận tải đường biển lẫn đường bộ. Một số hợp đồng của khách hàng bị hủy hoặc cắt giảm do liên quan đến dịch bệnh làm cho sản lượng thông qua cảng bị giảm. Công tác y tế trong phòng chống dịch và phương án 3 tại chỗ đối với CBCNV công ty nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất làm cho chi phí tăng cao. Tình hình dịch chưa có dấu hiệu thuyên giảm nên dịch vụ tàu khách cập Cảng Chân Mây vẫn chưa thể hoạt động trở lại.

Tình hình tài chính của công ty hiện vẫn đang trong tình trạng thiếu vốn cho đầu tư thiết bị, công cụ, dụng cụ xếp dỡ cũng như hệ thống kho, kho kín để đáp ứng nhu cầu khách hàng. Áp lực trả nợ gốc lãi vay là rất lớn ngay trong thời điểm tình hình kinh tế khó khăn.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

2.1. Ông Dương Bá Hòa

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 08/12/1964

Giới tính : Nam



Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh
 Số lượng cổ phần đang sở hữu : 0 cổ phần
 Đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây là 10.008.825 cổ phần chiếm 30,89% vốn điều lệ.

2.2. Ông Huỳnh Văn Toàn

Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc, thành viên HĐQT
 Ngày sinh : 15/08/1975
 Giới tính : Nam
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
 Số lượng cổ phần đang sở hữu : 6.300 cổ phần
 Đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây là 7.777.300 cổ phần chiếm 24,00% vốn điều lệ.

2.3. Ông Nguyễn Tiến Đạt

Chức vụ hiện tại : Thành viên chuyên trách HĐQT
 Ngày sinh : 12/05/1973
 Giới tính : Nam
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hồng Châu, TP Hưng Yên, Hưng Yên
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế - Chuyên ngành Tài chính
 Số lượng cổ phần đang sở hữu : 0 cổ phần
 Đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây là 7.777.300 cổ phần chiếm 24,00% vốn điều lệ.

2.4. Bà Hồ Hoàng Thị

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
 Ngày sinh : 14/04/1978
 Giới tính : Nữ
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán, Cử nhân QTKD du lịch
 Số lượng cổ phần đang sở hữu : 6.615 cổ phần
 Đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây là 3.240.500 cổ phần chiếm 10,00% vốn điều lệ.



2.5. Ông Trần Văn Phong

Chức vụ hiện tại	: Thành viên chuyên trách HĐQT
Ngày sinh	: 25/03/1965
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Phú Bình, TP Huế, Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần đang sở hữu	: 8.295 cổ phần
Đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy tại Công ty cổ phần Cảng Chân Mây là 3.240.500 cổ phần chiếm 10,00% vốn điều lệ.	

2.6. Ông Ngô Khánh Toàn

Chức vụ hiện tại	: Kế toán trưởng
Ngày sinh	: 18/10/1979
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Kế toán
Số lượng cổ phần đang sở hữu	: 1.995 cổ phần

2.7. Ông Nguyễn Thành Công

Chức vụ hiện tại	: Phó tổng giám đốc
Ngày sinh	: 28/02/1976
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Triệu Hòa, Triệu Phong, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
Số lượng cổ phần đang sở hữu	: 1.890 cổ phần

2.8. Ông Nguyễn Văn Chương

Chức vụ hiện tại	: Phó tổng giám đốc
Ngày sinh	: 02/3/1981
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Thuỷ Phương, Hương Thuỷ, T.T Huế
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ giới hóa xếp dỡ
Số lượng cổ phần đang sở hữu	: 1.890 cổ phần

2.9. Ông Phan Tuấn Anh

Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát
 Ngày sinh : 14/1/1981
 Giới tính : Nam
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thuỷ Phù, Hương Thuỷ, T.T Huế
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Kế toán
 Số lượng cổ phần đang sở hữu : 1.680 cổ phần

- *Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021:* Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động
 + Tổng số lao động của công ty tính đến cuối năm 2021 là 311 người (bao gồm của người quản lý) trong đó có 51 lao động nữ, 100% lao động đều có việc làm, cụ thể:

Stt	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	311	100,00%
1	Trình độ Đại học trở lên	89	28,62%
2	Trình độ Cao đẳng	21	6,75%
3	Trình độ Trung cấp	44	14,15%
4	Trình độ Sơ cấp	124	39,87%
5	Trình độ lao động phổ thông	33	10,61%
II	Theo loại hợp đồng lao động	311	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn (bao gồm người quản lý công ty)	261	83,92%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	49	15,76%
3	Hợp đồng dưới 1 năm	1	0,32%
4	Hợp đồng thử việc	0	0%

+ Người lao động trong công ty luôn được chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, được cử tham gia các khóa đào tạo về quản lý, nâng cao nghiệp vụ, huấn luyện kỹ năng an toàn vệ sinh lao động và các kỹ năng hỗ trợ khác... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc và có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

+ Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện

hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí và từng người. Năm 2021, thu nhập bình quân lao động đạt 11,71 triệu đồng/người/tháng tăng 23,26% so với năm 2020 (10,92 triệu đồng).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện và giải ngân của các dự án

a. *Dự án xây dựng Bến số 02 - Cảng Chân Mây (giai đoạn 1)*: Đã hoàn thành vào tháng 6/2021 và đưa vào khai thác sử dụng vào tháng 7/2021. Hiện nay, Công ty đang thẩm định và phê duyệt đề cương nhiệm vụ khai lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn hoàn thiện của dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 – Cảng Chân Mây.

b. *Dự án Nạo vét điều chỉnh luồng, vũng quay tàu của Bến trong (120m)*: Đã hoàn thành thủ tục khảo sát, rà quét thông báo hàng hải. Vũng quay tàu đạt độ sâu -10,5m, vùng đậu tàu -5,0m. Trong đó, Vũng quay tàu đã được nạo vét do phạm vi vũng quay tàu trùng với vũng quay tàu của Bến số 2, Vùng đậu tàu chưa được nạo vét do chưa có vị trí tập kết vật chất nạo vét.

c. *Dự án Công trình Nhà kho 2.500m²*: Hiện nay, đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và đã tổ chức đấu thầu. Tuy nhiên do tình hình vật giá thay đổi đặc biệt giá thép cao nên các nhà thầu đề xuất giá dự thầu cao hơn giá phê duyệt nên phải Huỷ thầu để tiến hành rà soát cập nhật lại giá vật liệu, dự toán công trình để trình HĐQT xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư theo đúng quy định.

d. *Dự án Nạo vét dài cạn Bến số 1 - Cảng Chân Mây*: Trước tình hình khó khăn về vị trí tập kết vật chất nạo vét nên Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây không thể thực hiện được. Tận dụng khả năng chứa vật chất nạo vét của 2 khu vực, tranh thủ các phương tiện còn khu trú tại khu vực Chân mây, lập hồ sơ và triển khai các công tác để thi công nạo vét dài cạn này đảm bảo độ sâu đáp ứng tàu dăm gỗ và các tàu chở hàng than, clinker có tải trọng lớn ra vào làm hàng an toàn và hiệu quả. Hiện nay, Vùng đậu tàu Bến số 1- Cảng Chân Mây đạt độ sâu -11,4m.

e. *Các hạng mục sửa chữa, bảo trì Bến số 1*: Đang được chú trọng thực hiện thường xuyên, đảm bảo năng lực tiếp nhận, an toàn cho tàu cập Cảng.

f. *Về Quy hoạch chi tiết 1/500 Bến số 1 – Cảng Chân Mây*: Hồ sơ quy hoạch đã trình Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh phê duyệt.

g. Tình hình giải ngân các dự án năm 2021

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch giải ngân năm 2021	Thực hiện giải ngân năm 2021	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án	Nguồn vốn
I	Dự án chuyển tiếp					
1.1	Đầu tư xây dựng Bến số 2 – Cảng Chân Mây	865.000/ 384.270	120.000	8.790	33x2.679	Vốn tự có & vốn vay
1.2	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (Bến 120m)	4.300	3.918	0	334,000	Vốn tự có
1.3	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 (Nhà kho 2.500m ²)	5.000	4.739	223,250	246,250	Vốn tự có
II	Các hạng mục sửa chữa, bảo trì Bến số 1 Cảng Chân Mây năm 2021					
1	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 – Cảng Chân Mây	10.000	10.000	0	0	Vốn tự có và vốn huy động
2	Sửa chữa Bến số 1 (bản sàn, hệ đầm, cọc...)	10.000	10.000	213,575	2.199,141	Vốn tự có
III	Phương án kinh doanh khi bổ sung trang thiết bị					
1	Hạng mục Thuê 02 cần trực đa năng xếp dỡ container và hàng tổng hợp tại cảng	120.000	0	0		Vốn tự có, vốn khác
IV	Các công việc, hạng mục khác phục vụ sản xuất kinh doanh					
1	Khảo sát, kiểm định định kỳ	499,171	454,518	454,518	464,518	Vốn tự có
2	Kiểm định nâng cấp Bến số 1 – Cảng Chân Mây lên 70.000DWT giảm tải	1.100	176,000	176,000	176,000	Vốn tự có
3	Thiết lập khu neo thuyền tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000 DWT tại Vịnh Chân Mây					Vốn tự có – Tự thực hiện
4	Nạo vét dài cạn Bến số 1 – Cảng Chân Mây	1.236	964,254	0	0	Vốn tự có
5	Quy hoạch chi tiết 1/500 Bến số 1 – Cảng Chân Mây	494,693	147,000	147,000	147,000	Vốn tự có

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ % 21/20
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	675.122	689.684	722.959	104,82%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	175.383	137.164	166.939	121,71%
Lợi nhuận từ SXKD	Tr. đồng	32.073	15.960	2.160	13,53%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	32.365	15.954	2.175	13,63%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	25.100	13.710	1.852	13,51%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện thời	1,74	1,47	1,00
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,68	1,43	0,97
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,46	0,48	0,51
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,86	0,91	1,05
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/HTK bq)	24,9	22,7	107,2
+ Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS)	0,26	0,20	0,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,10	0,011
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,069	0,038	0,005
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,037	0,020	0,003
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,18	0,12	0,013

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 32.405.415 cổ phần, trong đó có 360.990 cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng, số cổ phần còn lại (32.044.425 cổ phần) được chuyển nhượng theo chủ trương thoái vốn của Chính phủ.



5.2. Cơ cấu cổ đông

Stt	Danh mục	Số cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Cổ đông lớn	1	32.044.425	98,89%	Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy
	Cổ đông nhỏ	256	360.990	1,11%	
Tổng cộng:		257	32.405.415	100%	
II	Cổ đông tổ chức	4	32.086.425	99,02%	1. Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (năm giữ 98,89%). 2. Công ty cổ phần vận tải Hùng Đạt (năm giữ 0,06%). 3. Công ty CP Thực phẩm An Long (năm giữ 0,03%). 4. Doanh nghiệp tư nhân Lộc Tụ (năm giữ 0,03%)
	Cổ đông cá nhân	253	318.990	0,98%	
Tổng cộng:		257	32.405.415	100%	
III	Cổ đông nhà nước	1	32.044.425	98,89%	Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy
	Cổ đông khác	256	360.990	1,11%	
Tổng cộng:		257	32.405.415	100%	
IV	Cổ đông trong nước	257	32.405.415	100%	
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%	
Tổng cộng:		257	32.405.415	100%	

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2021, công ty đã tiến hành trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt (tỷ lệ 2,33%) và không diễn ra hoạt động giao dịch mua bán cổ phiếu của CMP. Do đó, năm 2021, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã hoàn thành được nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đề ra, cụ thể:

Stt	Nội dung	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (4/2)	Tỷ lệ (4/3)
		ĐVT: triệu đồng				
	I	2	3	4	5	6
1	Tổng doanh thu	139.137	162.000	168.622	121,19%	104,09%
2	Doanh thu tài chính	1.948	0	1.667	85,57%	
3	Thu nhập khác	25	0	15	60,0%	
4	Lợi nhuận trước thuế	15.954	1.662	2.175	13,63%	130,87%
5	Lợi nhuận sau thuế	13.710	1.330	1.852	13,51%	139,25%

- Tổng Doanh thu năm 2021 của công ty đạt 168,622 tỷ đồng, đạt 104,09% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra và cao hơn 21,19% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế đạt 2,175 tỷ đồng, tuy thấp hơn nhiều so với năm 2020 nhưng đạt tới hơn 130% so với kế hoạch năm 2021 đề ra. Quy mô tài sản, vốn sở hữu, hệ số bảo toàn vốn vẫn được giữ ở mức đảm bảo an toàn và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế cả nước lẫn toàn thế giới đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tình hình dịch bệnh, điều này cho thấy việc quản trị sản xuất của công ty vẫn đang có hiệu quả, đặc biệt trong việc nâng cao năng suất lao động trong việc xếp dỡ hàng hóa;

Nhìn chung, năm 2021 để vừa đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh được bình thường trong một hoàn cảnh không gian và thời gian phức tạp, chịu nhiều yếu tố tiêu cực tác động như dịch bệnh, phải chịu lãi vay của dự án Bến số 2 nhưng công ty vẫn đảm bảo được các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, phúc lợi cho người lao động và việc đóng góp cho xã hội, đây là sự cố gắng rất lớn trong định hướng và chiến lược của Ban lãnh đạo cũng như của người lao động của công ty.

b. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Hợp tác quốc tế: Mặc dù đang chịu cảnh dịch bệnh nhưng công ty vẫn tiếp tục hợp tác và giữ liên lạc tốt với hãng tàu, đối tác quốc tế, các nhà đầu tư tiềm năng, các hãng du lịch của nước ngoài, qua đó góp phần gia tăng hiệu quả cho doanh nghiệp và cho cổ đông, đặc biệt là việc phát triển thương hiệu;

- Công tác đối ngoại: Tiếp tục có các mối quan hệ tốt với cơ quan Ngân hàng, thuế, đơn vị đối tác và khách hàng;

- Chu trình thu hồi vốn nhanh đem lại hiệu quả;

- Phát huy được năng lực của mỗi thành viên trong Công ty, chủ động liên tục cải tiến bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong mỗi giai đoạn, tình hình và môi trường mới;



- Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trên cơ sở mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ sản xuất của Công ty, đặc biệt khi Bến số 2 đã đi vào hoạt động;
- Luôn đặt trọng tâm trong việc làm lành mạnh tài chính của Công ty;
- Luôn luôn khảo sát kiểm tra các thiết bị mua sắm, các thiết bị dự phòng phục vụ thay thế khi sửa chữa;
- Xây dựng được bảng giá dịch vụ đảm bảo tuân thủ theo đúng Luật Giá, phù hợp mặt bằng chung và tình hình thực tế của đơn vị. Dự thảo hợp đồng dần đi vào chuyên nghiệp, chặt chẽ nhưng linh hoạt khi đàm phán hợp đồng.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ
a. Tình hình tài sản (ĐVT: đồng)			
Tài sản ngắn hạn	110.722.456.394	126.359.614.793	114,12%
Tài sản dài hạn	578.961.549.379	596.599.381.780	103,05%
Tổng giá trị tài sản	689.684.005.773	722.958.996.573	104,82%
Vòng quay tài sản	0,200	0,231	115,46%
b. Tình hình nợ phải trả (ĐVT: đồng)			
Nợ ngắn hạn	75.249.328.037	26.114.392.193	167,60%
Nợ dài hạn	253.894.289.342	244.048.974.179	96,12%
Tổng nợ	329.143.617.379	370.163.366.372	112,46%
Vốn chủ sở hữu	360.540.388.394	352.795.630.201	97,85%
Tổng nguồn vốn	689.684.005.773	722.958.996.573	104,82%
Tỷ trọng VCSH/Tổng NV	52,28%	48,80%	93,31%

2.1. Về tài sản

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty là 722,959 tỷ đồng, tăng 33,275 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm 2021. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn của Công ty cuối năm là 126,360 tỷ đồng, tăng 15,637 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền là 78,778 tỷ đồng, tăng hơn 11,68 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng hơn 9,8 tỷ đồng; trong đó chủ yếu các khoản phải thu khách hàng tăng hơn 7,7 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng cũng hơn 15,6 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn của Công ty tăng 17,4 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó tài sản cố định lại tăng tới gần 315,6 tỷ đồng và tài sản dỡ dang dài hạn giảm gần 303,4 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

2.2. Về nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty trong năm 2021 cũng tăng tương ứng với tài sản, cụ thể như sau:

- Nợ phải trả là 370,2 tỷ đồng, tăng hơn 41 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, Nợ ngắn hạn tăng hơn 50,8 tỷ đồng, còn nợ dài hạn lại giảm gần 10 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu là 352,8 tỷ đồng, giảm hơn 7,7 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó từ Quỹ đầu tư phát triển là 26,89 tỷ đồng, tăng hơn 4 tỷ đồng so với đầu năm; lợi nhuận chưa phân phối là 1,82 tỷ đồng giảm gần 12 tỷ đồng so với đầu năm nhằm trả khoản cổ tức cho Tổng công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm qua, cơ cấu tổ chức của công ty vẫn được duy trì theo mô hình hoạt động đã được đề ra, có sự phù hợp và nhất quán trong tổ chức của công ty;

- Về chính sách hoạt động, công ty luôn tôn trọng các quy định của pháp luật, đồng thời linh hoạt trong mọi vấn đề để đáp ứng được các tình huống kinh doanh phát sinh. Bằng chứng là trong năm qua, công ty vẫn hoàn thành được các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh dù đang hoạt động trong thời kỳ có rất nhiều ảnh hưởng xấu của nền kinh tế đang tác động (ảnh hưởng do dịch bệnh).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với niềm tin vào các nỗ lực kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ, vào hiệu quả của chính sách tiêm chủng vắc xin sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ sau đợt khủng hoảng vừa qua. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xây dựng kế hoạch hoạt động với các mục tiêu như vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa cung cấp ổn định nhịp độ sản xuất, đảm bảo năng suất, chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng, tăng cường các dịch vụ Logistics tại khu vực cảng, thu hút nhiều hơn lượng hàng hóa qua Cảng Chân Mây. Tiếp tục củng cố uy tín, thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty; Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững, bảo đảm việc làm cũng như thu nhập cho người lao động. Phấn đấu triển khai mở tuyến Container qua Cảng trong Quý III năm 2022. Một số nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được cụ thể như sau:

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

a. Chỉ tiêu về sản lượng

- Tổng sản lượng hàng thông qua : 3.868.000 tấn;
- Sản lượng hàng container : 20.000 TEUs.

b. Chỉ tiêu về tài chính

- Tổng doanh thu : 225,15 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 200 triệu đồng;

- Lợi nhuận sau thuế : 160 triệu đồng;
 - Nộp ngân sách : 500 triệu đồng.
- c. *Chỉ tiêu về lao động (tuyển dụng, lương, thu nhập và đào tạo)*
- Tổng số lao động đầu kỳ : 303 người (không bao gồm NQL);
 - Tổng số lao động cuối kỳ : 313 người (không bao gồm NQL);
 - Thu nhập bình quân người lao động : 10,101 triệu đồng/người/tháng;
- d. *Kế hoạch xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc trang thiết bị 2022:*
Tổng mức đầu tư trong năm là : 106,697 tỷ đồng.

4.2. Các nhiệm vụ chung

- Đảm bảo năng suất, chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng. Tiếp tục củng cố niềm tin, thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh của Cảng Chân Mây, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thị trường, không ngừng cải cách công tác quản trị sản xuất;

- Đưa dịch vụ bốc xếp hàng container đi vào hoạt động từ quý III. Tăng cường các dịch vụ Logistics tại cảng, thu hút nhiều hơn lượng hàng hóa qua Cảng Chân Mây;

- Bảo đảm ổn định nhịp độ sản xuất kinh doanh, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh để ứng phó linh hoạt với tác động của thiên tai, dịch bệnh, khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau thiên tai, dịch bệnh. Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững;

- Bảo đảm ổn định về việc làm và thu nhập cho người lao động.

4.3. Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp xúc tiến thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Với mục tiêu phát triển thành Cảng đa chức năng, đón được tàu hàng rời, tàu container và tàu khách du lịch, Công ty chú trọng việc nghiên cứu thị trường, tìm kiếm nguồn hàng mới để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết hợp với chiến lược truyền thông, quảng bá để thu hút khách hàng tiềm năng;

- Ngoài ra, việc tăng cường hoạt động chuỗi logistics giữa các khu vực có nguồn hàng đến và đi từ Chân Mây đang rất cấp thiết. Công ty sẽ tăng cường liên doanh, liên kết để đẩy mạnh hệ thống logistics tại đây. Xúc tiến các hình thức hợp tác đầu tư hoặc ứng vốn từ khách hàng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi;

- Đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống bằng việc tổ chức Hội nghị khách hàng, tổ chức Bộ phận chăm sóc khách hàng nhằm ghi nhận các phản hồi và đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Hợp tác, trao đổi thông tin cùng các cơ quan chức năng, đề xuất quy chế phối hợp nhằm tháo gỡ các vướng mắc liên quan, kiểm soát tốt cũng như tạo điều kiện cho phương tiện vận chuyển hàng hóa qua Cảng;

- Duy trì thực hiện giải pháp đa dạng hóa dịch vụ, bổ sung các dịch vụ tiềm năng có thể triển khai tại Cảng nhằm tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với Công ty.

b. Giải pháp tài chính

Công ty có kế hoạch tiếp tục thực hiện các giải pháp để tiết giảm chi phí hoạt động, chú trọng tiết giảm chi phí quản lý bao gồm chi phí xăng xe, chi phí tiếp khách, công tác phí,...Quản lý chặt chẽ, vật tư, nguyên liệu đầu vào, có kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị hợp lý tránh tồn đọng, hư hỏng. Siết chặt các định mức tiêu hao nhiên liệu, tiết kiệm vật tư trong quá trình sửa chữa thiết bị. Đồng thời, xem xét để ngưng các công tác sửa chữa không cần thiết;

- Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ, Công ty tiếp tục đẩy nhanh quy trình thanh toán, tăng cường các biện pháp quyết liệt thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ xấu;

- Lập kế hoạch dòng tiền chi tiết tháng, quý, năm đồng thời theo dõi biến động, cung cấp kịp thời thông tin phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

c. Giải pháp quản trị nhân lực

- Tiếp tục hoàn chỉnh các quy chế, chính sách lương thưởng gắn liền với năng suất lao động nhằm khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực cá nhân. Đồng thời, xử lý nghiêm theo Nội quy Công ty và quy định của Pháp luật đối với các trường hợp yếu kém, vi phạm kỷ luật;

- Tiến hành nghiên cứu về các giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc;

- Phát huy hơn nữa chính sách đào tạo, mang đến cho người lao động cơ hội phát triển bản thân. Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực đảm bảo đồng bộ về số lượng và chất lượng khi tiến hành khai thác hàng container, đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2022 đề ra. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ marketing dịch vụ, nghiệp vụ quản lý khai thác cảng, logistics đảm bảo một nguồn nhân lực chuyên nghiệp và năng động với trình độ cao.

d. Giải pháp quản trị điều hành sản xuất

- Đảm bảo việc điều động tàu và bố trí thiết bị, nhân công hợp lý để nâng cao năng suất xếp dỡ hàng. Tận dụng việc khai thác 2 bến giúp giảm thời gian chờ đợi và thiệt hại kinh tế cho chủ hàng, chủ tàu;

- Sẵn sàng, cảnh giác để chủ động ứng phó với thời tiết xấu nhằm giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình cảng biển cũng như tàu bè ra vào Cảng Chân Mây;

- Bên cạnh việc tăng cường công tác an ninh, an toàn hàng hải đảm bảo tàu thuyền ra vào, cần tập trung khai thác các tiềm năng lợi thế biển gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường. Tiếp tục đặt các tiêu chí xanh lên hàng đầu như

chú trọng công tác kiểm soát khói bụi, quản lý nguồn nước, giám sát môi trường, xây dựng cơ sở tiếp nhận rác thải, bố trí hợp lý phương tiện và lao động tích cực thu gom rác, ưu tiên nhiên liệu thân thiện môi trường;

- Về công tác giao nhận, kho bãi: Đảm bảo tốt công tác giao nhận, kiểm đếm hàng hóa, thường xuyên giám sát tình trạng của kho để kịp thời khắc phục, sửa chữa. Đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhu cầu thuê kho của khách hàng;

- Về kế hoạch tiếp nhận container: Tập trung tất cả các nguồn lực và giải pháp thực hiện thành công việc mở tuyến container qua Cảng Chân Mây theo đúng kế hoạch của Công ty đề ra.

e. Giải pháp về đầu tư

- Triển khai các phương án đầu tư thực sự có hiệu quả, điều phối hài hòa các nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực giữa các dịch vụ đang khai thác nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh, giảm áp lực trong tình hình Công ty đang gặp khó khăn về tài chính và đảm bảo mục tiêu hài hòa trong việc giữ gìn, khai thác và phát triển song song cả nguồn hàng rời cũng như container;

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý dự án, đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo các tiêu chuẩn về kỹ thuật và thẩm mỹ nhằm tiết giảm chi phí đầu tư. Tính hiệu quả của dự án phải được đặt lên hàng đầu.

f. Các giải pháp khác

Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định của Bộ tài chính, Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Tổ chức bổ sung các quy chế điều hành phù hợp với các quy định pháp luật mới và thực hiện công khai, minh bạch các thông tin cho các cổ đông.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hiện Công ty đang sử dụng các thiết bị như thiết bị bốc xếp, vận tải, lai dắt... nên việc sử dụng nhiên liệu đều có tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã luôn áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động.

- Công ty đã xây dựng khu vực lưu trữ, bảo quản chất thải nguy hại theo đúng quy định. Rác thải thông thường và chất thải nguy hại được phân loại và để

riêng biệt theo các quy định của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, và các Bộ ban ngành về quản lý chất thải nguy hại;

- Đối với chất thải thông thường, công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thừa Thiên Huế để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Tổng số chuyến rác sinh hoạt vận chuyển trong năm 2021 là 31 chuyến trong đó có 02 chuyến vận chuyển chất thải độc hại, 29 chuyến rác thải thông thường, trong đó chất thải liên quan đến covid là 4.080kg

- Chất thải nguy hại được Công ty phân loại tại chỗ và được lưu trữ bảo quản riêng biệt theo từng mã chất thải và tại khu vực chất thải nguy hại của Công ty, đồng thời bố trí đặt biển báo nguy hiểm, biển báo chất thải nguy hại, biển báo cấm lửa tại khu vực lưu trữ;

- Công ty hiện đang ký hợp đồng với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, không để chất thải nguy hại phát sinh ra môi trường bên ngoài;

- Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao ý thức của toàn thể công nhân viên trong việc quản lý chất thải. Đồng thời, phân công cán bộ thuộc Phòng Kỹ thuật làm chuyên trách để quản lý vấn đề môi trường trong Công ty.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- 100% lao động của công ty có việc làm, được bố trí công việc phù hợp với chuyên môn và năng lực, được đóng các khoản bảo hiểm đầy đủ theo quy định;

- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, đảm bảo chi trả lương đúng thời hạn, theo chức danh và kết quả công việc,

- Công ty luôn đảm bảo các chế độ, phúc lợi và an toàn cho người lao động.

6.3. Đánh giá trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng

Công ty đã tham gia nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực, giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn như ủng hộ tiền cho người nghèo khó, cho gia đình chính sách, cho các quỹ từ thiện ... và trong năm 2021, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh nhưng công ty đã ủng hộ cho hoạt động xã hội, từ thiện khoảng 175 triệu đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2021, với sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị và sự nỗ lực hết mình của Ban Tổng Giám đốc cùng với tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty đã hoàn thành được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như:

- Hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, con người lẫn trách nhiệm với môi trường, cộng đồng, xã hội của công ty đều được đảm bảo;

- Một số chỉ tiêu kinh doanh đã đạt được:

Số	Nội dung	ĐVT	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ %
1	Sản lượng TQ	Tấn	2.940.000	3.119.098	106,09%
2	Doanh thu từ SXKD	Tr.đồng	162.000	166.939	103,1%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	162.000	168.622	104,09%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.662	2.175	130,87%
5	Cổ tức		Không có	0,23%	

- Các dự án khác triển khai trong năm 2021 không có nợ đọng vốn đầu tư và không lỗ phí, thất thoát vốn đầu tư ;

- Thu nhập bình quân người lao động được ổn định và có sự tăng trưởng so với năm 2020;

- Thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do Hội đồng quản trị ban hành.

- Ban Tổng giám đốc cũng đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của pháp luật;

- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của công ty, đặc biệt trong giai đoạn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh nên Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa tuân thủ nghiêm ngặt việc phòng chống dịch bệnh vừa đảm bảo hoạt động của công ty;

- Triển khai thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Thực hiện tốt chủ trương phát triển Cảng văn minh, hiện đại;

- Bảo toàn vốn cho doanh nghiệp và đầu tư có trọng điểm, có hiệu quả,

- Đảm bảo thực hiện chi trả cổ tức năm cho cổ đông như đã cam kết;

- Tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng, xã hội dưới nhiều hình thức, chung tay góp sức xây dựng địa phương văn minh, giàu mạnh,

- Năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã trình Hội đồng quản trị 123 tờ trình chủ yếu về các lĩnh vực đầu tư, tài chính, và sản xuất kinh doanhtheo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ và các quy định liên quan của pháp luật;

- Đảm bảo được công việc và thu nhập cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể người lao động nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2022, với kế hoạch và các định hướng sau:

3.1. Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng thông qua đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm; chú trọng công tác quản trị, quản lý và điều hành kinh doanh khai thác cảng hiệu quả, an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng dịch vụ.

3.2. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ năng lực cạnh tranh, nhằm giữ chân các khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới. Duy trì tốc độ tăng trưởng, bảo vệ thị phần cảng biển thông qua chiếm lĩnh thị trường, tăng khối lượng, chất lượng và đa dạng hóa các dịch vụ được cung cấp. Phát triển hoạt động dịch vụ logistics theo mục tiêu hợp lực nguồn lực để phát triển trên nền tảng phát huy tối đa, hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị của Cảng.

3.3. Liên doanh, liên kết với các đối tác lớn, có uy tín trong khu vực và trên thế giới nhằm phát triển và hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh, tận dụng thế mạnh về nguồn vốn, công nghệ, trình độ, kinh nghiệm và mạng lưới toàn cầu của đối tác để ngày một lớn mạnh hơn. Tập trung huy động tổng lực các giải pháp để mở tuyến khai thác container nội địa qua Cảng Chân Mây trong năm 2022.

3.4. Sử dụng mô hình tài sản tinh gọn (chuyển các trang thiết bị sử dụng không hiệu quả/kém hiệu quả/không phù hợp sang các vị trí mới/sử dụng ở dự án mới hoặc liên doanh, liên kết khi đầu tư mới trang thiết bị), tăng cường hợp tác với các hãng tàu/khách hàng để đầu tư trang thiết bị phục vụ khai thác hàng hóa trên quan điểm đôi bên cùng có lợi nhằm tăng cường mối quan hệ với khách hàng và hãng tàu.

3.5. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, đảm bảo hiệu quả định mức đang ban hành. Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại công ty đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành.

3.6. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động của bộ phận trong toàn Cảng theo hướng tinh gọn, linh hoạt, chuyên nghiệp hóa, tăng phân cấp, phân quyền và thích nghi với sự thay đổi.

Một số chỉ tiêu kế hoạch 2022 cụ thể như sau:

Số	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	KH 2022	Ghi chú
1	Sản lượng hàng rời	MT	3.119.098	3.868.000	
2	Sản lượng hàng cont	TEUs	0	20.000	

3	Doanh thu từ SXKD	Tr.đồng	166.939	225.000	
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	168.622	225.150	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.175	200	
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.852	160	
7	Nộp ngân sách	Tr. đồng	810	500	
8	Lao động	Người	303	313	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây hiện có 5 thành viên trong đó có 1 Chủ tịch, 1 thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, 02 thành viên HĐQT chuyên trách và 1 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty:

- + Ông Dương Bá Hòa : Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- + Ông Huỳnh Văn Toàn : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của công ty;
- + Ông Nguyễn Tiến Đạt : Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị;
- + Bà Hồ Hoàng Thị : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc;
- + Ông Trần Văn Phong : Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tính đến thời điểm cuối tháng 12/2021, Tổ thư ký Hội đồng quản trị với các thành viên

- + Ông Hoàng Trung Chính : Tổ Trưởng;
- + Ông Lê Văn Tiến : Thành viên;
- + Ông Trương Quang Việt : Thành viên;
- + Ông Nguyễn Văn Nhật : Thành viên.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng chuyên môn công ty, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng chính sách giá, chiến lược kinh doanh khi bổ sung trang thiết bị cho Bến số 2, điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tiễn,...; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng Giám đốc gửi

đến HĐQT; trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Tổng Giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp có biên bản cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành 129 Nghị quyết, 12 Quyết định, 7 tờ trình và 10 văn bản khác đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và phù hợp với các yêu cầu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2021, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 23/4/2021 để thông qua nhiều vấn đề quan trọng như:

- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021;
- Báo cáo công tác kiểm soát năm 2020 của Ban kiểm soát;
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020;
- Tờ trình về ủy quyền cho HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định một số vấn đề;
- Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
- Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2021.
- Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
- Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
- Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	23/4/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn, Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin của công ty theo đúng quy định, qua đó nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản trị, đồng thời giúp cổ đông nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Quyết định/Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Số Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Kiểm định định kỳ Bến số 1-Cảng Chân Mây
2	01 ^A /QĐ-HĐQT	06/01/2021	Về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng lao động Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
3	02/NQ-HĐQT	06/01/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế và dự toán (Lập báo cáo kinh tế- Kỹ thuật) Công trình: Sửa chữa xuyên mặt bắn mặt sàn Bến số 1- Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 3)
4	03/NQ-HĐQT	06/01/2021	Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Hạng mục: Lắp đặt hệ thống đấu nối cấp nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện từ DN100); Đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 2 - Cảng Chân Mây thuộc dự án ĐTXD Bến số 2 - Cảng Chân Mây
5	04/NQ-HĐQT	06/01/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu số 02: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế và dự toán (Lập báo cáo kinh tế- Kỹ thuật) Công trình: Sửa chữa xuyên mặt bắn mặt sàn Bến số 1- Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 2)
6	05/NQ-HĐQT	06/01/2021	Về việc thông qua dự thảo hợp đồng xây lắp gói thầu số 03- Toàn bộ phần xây lắp Công trình: Sửa chữa bọc đầu cọc cho nền cọc Bến số 1- Cảng Chân Mây năm 2020
7	07/QĐ-HĐQT	13/01/2021	Về việc phân công nhiệm vụ cán bộ
8	09/NQ-HĐQT	14/01/2021	Về việc mua sắm quà tặng khách hàng, đối tác
9	10/NQ-HĐQT	18/01/2021	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Công trình: Sửa chữa thường xuyên mặt bắn mặt sàn Bến số 1- Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 2)
10	11/NQ-HĐQT	18/01/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán (Lập báo cáo kinh tế- Kỹ thuật) Công trình: Sửa chữa xuyên mặt bắn mặt sàn Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 3)
11	12/QĐ-HĐQT	18/01/2021	Về việc phê duyệt quỹ lương năm 2020 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
12	13/NQ-HĐQT	20/01/2021	Về việc thông qua BCTC quý 4 năm 2020

13	14/NQ-HĐQT	27/01/2021	Về việc chấp thuận chủ trương nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời cáp tải và xoay càn cẩu Gottwald HMK 170E
14	15/QĐ-HĐQT	28/01/2021	Về việc thành lập Ban chỉ đạo đón Tết Tân Sửu 2021 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
15	16/NQ-HĐQT	02/02/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Sửa chữa thường xuyên bản mặt sàn Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 2)
16	17/NQ-HĐQT	02/02/2021	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Công trình: Sửa chữa thường xuyên mặt bản mặt sàn Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 3)
17	18/NQ-HĐQT	02/02/2021	Về việc thông qua nội quy lao động năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
18	19/NQ-HĐQT	08/02/2021	Về việc chấp thuận chủ trương bổ sung đề bao làm bãi tập kết vật chất nạo vét đợt 1 Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
19	20/NQ-HĐQT	22/02/2021	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán Hạng mục: Lắp đặt hệ thống đấu nối cấp nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện từ DN100) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
20	21/NQ-HĐQT	24/02/2021	Về việc thông qua việc bổ sung nhân sự cho các phòng ban chuyên môn
21	22/NQ-HĐQT	24/02/2021	Về việc thông qua việc chốt danh sách cổ công để triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
22	24/NQ-HĐQT	03/03/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công công trình: Sửa chữa thường xuyên bản mặt sàn Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 2)
23	25/NQ-HĐQT	03/03/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa thường xuyên bản mặt sàn Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 3)
24	26/NQ-HĐQT	03/03/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Lắp đặt hệ thống đấu nối cấp nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện từ DN100); Đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 2 - Cảng Chân Mây thuộc Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
25	27/NQ-HĐQT	09/03/2021	Về việc phê duyệt dự toán gói thầu nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời nâng cáp tải và xoay càn cẩu Gottwald HMK 170E
26	28/NQ-HĐQT	09/03/2021	Về việc chấp thuận chủ trương sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây
27	30/NQ-HĐQT	11/03/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công công trình: Sửa chữa thường

			xuyên bản mặt sàn Bến số 1- Cảng Chân Mây năm 2020 (đợt 3)
28	31/NQ-HĐQT	17/03/2021	Về việc thành lập tổ thẩm định gói thầu nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời nâng cáp tải và xoay càn cẩu Gottwald HMK 170E
29	32/NQ-HĐQT	22/03/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Sửa chữa bọc đầu cọc cho nền cọc Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020
30	33/NQ-HĐQT	22/03/2021	Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2020
31	34/NQ-HĐQT	22/03/2021	Về việc tổ chức thi nâng bậc và xét nâng bậc lương cho CBCNV
32	35/NQ-HĐQT	23/03/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây
33	36/NQ-HĐQT	23/03/2021	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng về việc tư vấn thực hiện công việc bổ sung đê bao làm bãi tập kết chất nạo vét đợt 1 - Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
34	37/NQ-HĐQT	23/03/2021	Về việc điều chỉnh kinh phí lập quy hoạch chi tiết Dự án Bến số 1, Bến số 2 - Cảng Chân Mây
35	46/NQ-HĐQT	26/03/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời nâng cáp tải và xoay càn cẩu Gottwald HMK 170E
36	47/NQ-HĐQT	26/03/2021	Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng lại cảng chào tài Bến số 2 - Cảng Chân Mây và mua sắm xe ô tô 45 chỗ ngồi trở lên đã qua sử dụng
37	48/NQ-HĐQT	29/03/2021	Về việc thành lập tổ chuyên gia lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất gói thầu số 06 -CD: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị cáp điện thuộc dự án Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
38	49/NQ-HĐQT	29/03/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Lập quy hoạch chi tiết Bến số 1, Bến số 2 -Cảng Chân Mây
39	50/NQ-HĐQT	29/03/2021	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng Gói thầu số 04 - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Sửa chữa bọc đầu cọc cho nền cọc Bến số 1 - Cảng Chân Mây năm 2020
40	51/QĐ-HĐQT	01/04/2021	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021
41	52/NQ-HĐQT	01/04/2021	Về việc xin chủ trương mua cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E

42	53/NQ-HĐQT	01/04/2021	Về việc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu: Nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời nâng cáp tải và xoay cẩu Gottwald HMK 170E
43	54/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc phê duyệt chi định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật Công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây
44	55/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc thành lập Tổ thẩm định: Hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 06-CD: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị cáp điện thuộc dự án Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
45	56/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc thành lập tổ thẩm định dự toán xây dựng công trình Dự án: Đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 Công trình: Nhà kho 2.500m ²
46	57/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc thành lập Tổ chuyên gia lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất các gói thầu của công trình: Nhà kho 2.500m ² thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
47	58/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc thành lập Tổ thẩm định: Hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của công trình: Nhà kho 2.500m ² thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
48	59/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu Gói thầu số 06-CD: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị cáp điện Hạng mục: Đường dây trung thế 22kv và trạm biến áp cáp điện Bến số 2-Cảng Chân Mây thuộc Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
49	60/NQ-HĐQT	07/04/2021	Về việc tiếp nhận lao động Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
50	63/NQ-HĐQT	14/04/2021	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh Gói thầu: Nâng cấp hệ thống điều khiển motot tời nâng cáp tải và xoay cẩu Gottwald HMK 170E
51	64/NQ-HĐQT	14/04/2021	Về việc phê duyệt chi định thầu gói thầu số 05-CN: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt các thiết bị cáp nước Hạng mục: Lắp đặt hệ thống đầu nối cáp nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện tử DN100) Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
52	65/NQ-HĐQT	19/04/2021	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà kho 2.500m ² Dự án đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
53	66/NQ-HĐQT	20/04/2021	Về việc phê duyệt các dự toán Gói thầu: Mua sắm cáp tải cẩu cẩu Gottwald HMK 170E

54	68/NQ-HĐQT	23/04/2021	Về việc thông qua phương án kinh doanh khi bổ sung trang thiết bị của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
55	69/QĐ-HĐQT	23/04/2021	Về việc thông qua phương án kinh doanh khi bổ sung trang thiết bị của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
56	70/NQ-HĐQT	26/04/2021	Về việc thông qua BCTC Quý I năm 2021
57	71/NQ-HĐQT	26/04/2021	Về việc thông qua nội dung Hợp đồng gói thầu số 05-CN: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp nước Hạng mục: lắp đặt hệ thống đấu nối cấp nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện tử DN100) Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
58	72/NQ-HĐQT	26/04/2021	Về việc thành lập tổ thẩm định Gói thầu: Mua sắm cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E
59	74/NQ-HĐQT	10/05/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo năm 2021
60	75/NQ-HĐQT	15/05/2021	Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư gói bảo dưỡng, sửa chữa tàu Chân Mây 01 trên đà
61	76/NQ-HĐQT	20/05/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Nhà kho 2.500m ² thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
62	77/NQ-HĐQT	20/05/2021	Về việc phê duyệt hủy gói thầu nâng cấp hệ thống điều khiển motor tời nâng cáp tải và xoay càn cẩu Gottwald HMK 170E
63	78/NQ-HĐQT	20/05/2021	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 06-CĐ: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp điện, hạng mục Đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 02 - Cảng Chân Mây
64	79/NQ-HĐQT	20/05/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E
65	80/NQ-HĐQT	28/05/2021	Về việc thông qua nội dung Hợp đồng về việc thực hiện hợp đồng Gói thầu số 06: Toàn bộ phần xây dựng và lắp đặt thiết bị điện Hạng mục đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 2 - Cảng Chân Mây
66	81/NQ-HĐQT	28/05/2021	Về việc phê duyệt chi định thầu Gói thầu: Tư vấn khảo sát cập nhật địa hình đo bản vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500, lập đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch Dự án: Lập quy hoạch chi tiết Bến số 1, Bến số 2 - Cảng Chân Mây
67	82/NQ-HĐQT	28/05/2021	Về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu: Gói thầu mua sắm cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E

68	83/NQ-HĐQT	31/05/2021	Về việc phê duyệt chủ trương và khái toán chi phí kiểm định nâng cấp bến cảng - Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải lên tới 70.000 tấn
69	84/NQ-HĐQT	31/05/2021	Về việc phê duyệt Khái toán chi phí lập pương án thuê 02 Càn trục đa năng có thể xếp dỡ container, hàng tổng hợp tại cầu cảng
70	85/NQ-HĐQT	01/06/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện thuê 02 Càn trục đa năng có thể xếp dỡ container, hàng tổng hợp tại cầu cảng
71	86/NQ-HĐQT	03/06/2021	Về việc thông qua nội dung hợp đồng Gói thầu: Tư vấn khảo sát cập nhật địa hình đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500, lập đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch Dự án: Lập quy hoạch chi tiết Bến số 1, Bến số 2 - Cảng Chân Mây
72	87/NQ-HĐQT	04/06/2021	Về việc chấp thuận chủ trương triển khai lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn hoàn thiện của dự án Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
73	88/NQ-HĐQT	07/06/2021	Về việc bổ sung nhân sự cho các phòng ban chuyên môn
74	89/NQ-HĐQT	10/06/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 07-CN: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp nước, hạng mục: Lắp đặt hệ thống đấu nối nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện từ DN100) Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
75	90/NQ-HĐQT	10/06/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 08-CĐ: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp điện, hạng mục: Đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 2 - Cảng Chân Mây. Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
76	91/NQ-HĐQT	10/06/2021	Về việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát, kiểm định định kỳ Bến số 1 - Cảng Chân Mây
77	92/NQ-HĐQT	14/06/2021	Về việc thông qua nội dung Hợp đồng gói thầu số 07-CN: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp nước, hạng mục: Lắp đặt hệ thống đấu nối nước sạch (Lắp mới tuyến HDPE D160 và cụm đồng hồ điện từ DN100) Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây
78	93/NQ-HĐQT	14/06/2021	Về việc thông qua nội dung hợp đồng gói thầu số 08-CĐ: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cấp điện, hạng mục: Đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp cấp điện Bến số 2-Cảng Chân Mây, Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây

79	94/NQ-HĐQT	17/06/2021	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh Gói thầu: Mua sắm cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E
80	95/NQ-HĐQT	17/06/2021	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1 - Cảng Chân Mây
81	96/NQ-HĐQT	23/06/2021	Về việc trích nguồn quỹ phúc lợi để thực hiện chương trình "Vắc - xin cho công nhân"
98	97/NQ-HĐQT	09/07/21	Nghị quyết về việc thông qua nội dung Hợp đồng gói thầu số 01: Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
99	98/NQ-HĐQT	09/07/21	Về việc chấp thuận chủ trương cải tạo nâng cấp càn cẩu Gottwald HMK 170E
100	99/NQ-HĐQT	16/07/21	Về việc phê duyệt điều kiện khai thác tàu hàng tại cầu cảng Bến số 2-Cảng Chân Mây
101	100/NQ-HĐQT	20/07/21	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2021
102	101/NQ-HĐQT	23/07/21	Về việc thông qua BCTC quý II năm 2021
103	102/NQ-HĐQT	30/07/21	Về việc thành lập tổ thẩm định Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
104	103/NQ-HĐQT	30/07/21	Về việc ban hành quy chế hoạt động của trang thông tin điện tử Công ty CP Cảng Chân Mây
105	104/NQ-HĐQT	05/08/21	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; công trình: sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
106	105/NQ-HĐQT	10/08/21	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm cáp tải càn cẩu Gottwald HMK 170E
107	106/NQ-HĐQT	13/08/21	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
108	107/NQ-HĐQT	13/08/21	Về việc bổ nhiệm phó trưởng phòng Hành chính Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
109	108/NQ-HĐQT	16/08/21	Về việc thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021
110	109/NQ-HĐQT	27/08/21	Về việc chấp nhận chủ trương Nạo vét dài cạn duy tu vùng đậu tàu Bến số 1-Cảng Chân Mây

111	110/NQ-HĐQT	31/08/21	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 03: Toàn bộ phần xây lắp Công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
112	111/NQ-HĐQT	31/08/21	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công xây dựng Công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
113	112/NQ-HĐQT	31/08/21	Về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu Gói thầu số 03 Toàn bộ phần xây lắp công trình: Nhà kho 2.500m2 thuộc dự án đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018
114	113/NQ-HĐQT	10/09/21	Về việc thông qua nội dung hợp đồng gói thầu số 03: Toàn bộ phần xây lắp Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát thi công xây dựng Công trình: Sửa chữa lớp bê tông nhựa mặt cầu cảng và đường trong cảng Bến số 1-Cảng Chân Mây
115	114/QĐ-HĐQT	16/09/21	Về việc thôi giữ chức danh Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị
116	115/QĐ-HĐQT	16/09/21	Về việc phân công nhiệm vụ cán bộ
117	116/NQ-HĐQT	23/09/21	Về việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền
118	117/NQ-HĐQT	24/09/21	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng - Dự án ĐTXD Bến số 2-Cảng Chân Mây Hạng mục: Bãi tập kết vật chất nạo vét tại khu đất KT1
119	118/NQ-HĐQT	24/09/21	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng - Dự án ĐTXD Bến số 2-Cảng Chân Mây Hạng mục: Bãi tập kết vật chất nạo vét tại khu đất sau Bến số 2 – Cảng Chân Mây
120	119/NQ-HĐQT	30/09/21	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu: Cải tạo nâng cấp cẩu Gottwald HMK 170E
121	120/NQ-HĐQT	30/09/21	Về việc thông qua Quy chế về quản lý cán bộ Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
122	121/QĐ-HĐQT	30/09/21	Về việc ban hành quy chế về quản lý cán bộ Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
123	122/NQ-HĐQT	04/10/21	Về việc điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng và thực hiện chi trả cổ tức năm 2020
124	123/NQ-HĐQT	06/10/21	Về việc thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
125	124/QĐ-HĐQT	06/10/21	Về việc ban hành quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
126	125/NQ-HĐQT	11/10/21	Về việc thành lập tổ thẩm định Gói thầu: Cải tạo nâng cấp cẩu Gottwald HMK 170E

127	126/NQ-HĐQT	13/10/21	Về việc chấp thuận chủ trương bù lún cục bộ lớp móng cáp phối đá dăm đường dẫn ra cầu cảng Bến số 2-Cảng Chân Mây
128	127/NQ-HĐQT	13/10/21	Về việc chấp thuận chủ trương mua sắm cáp thép cần trực phục vụ sản xuất
129	128/NQ-HĐQT	21/10/21	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cải tạo nâng cấp càn cẩu Gottwald HMK 170E
130	129/NQ-HĐQT	22/10/21	Về việc thông qua BCTC quý 3 năm 2021
131	130/NQ-HĐQT	26/10/21	Về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu: cải tạo nâng cấp càn cẩu Gottwald HMK 170E
132	131/NQ-HĐQT	26/10/21	Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng Hạng mục Nạo vét dãi cạn Bến số 1- CCM thuộc công trình Bến số 1-Cảng Chân Mây
133	132/NQ-HĐQT	29/10/21	Về việc phê duyệt khái toán chi phí sửa chữa, bảo trì Bến số 1 - CCM thuộc công trình Bến số 2 - Cảng Chân Mây
134	133/NQ-HĐQT	08/11/21	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu: Cải tạo nâng cấp càn cẩu Gottwald HMK 170E
135	134/QĐ-HĐQT	11/11/21	Về việc thôi không tham gia thành viên Tổ thư ký Hội đồng quản trị
136	135/NQ-HĐQT	11/11/21	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Hạng mục: sửa chữa, bảo trì bến số 1-CCM thuộc công trình Bến số 1-Cảng Chân Mây
137	136/NQ-HĐQT	16/11/21	Về việc chấp thuận chủ trương mua sắm cáp thép cần trực phục vụ sản xuất
138	137/NQ-HĐQT	18/11/21	Về việc hủy thầu Gói thầu số 03 - Toàn bộ phần xây lắp Công trình: Nhà kho 2,500m2
139	138/NQ-HĐQT	18/11/21	Về việc phê duyệt chi định thầu Gói thầu số 02: Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa, bảo trì Bến số 1-Cảng Chân Mây
140	139/NQ-HĐQT	19/11/21	Về việc chấp thuận chủ trương mua sắm cáp điện điều khiển hệ thống tang cáp điện đầu càn cẩu Gottwald HMK 170E
141	140/NQ-HĐQT	22/11/21	Về việc thông qua dự thảo hợp đồng Gói thầu số 02-Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa, bảo trì Bến số 1-Cảng Chân Mây thuộc công trình Bến số 1-Cảng Chân Mây

142	141/NQ-HĐQT	22/11/21	Về việc phê duyệt chỉ định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa, bảo trì Bến số 1-Cảng Chân Mây thuộc công trình: Bến số 1 - Cảng Chân Mây
143	142/NQ-HĐQT	29/11/21	Về việc thông qua dự thảo hợp đồng Gói thầu 01-Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa, bảo trì Bến số 1-Cảng Chân Mây Thuộc công trình Bến số 1-Cảng Chân Mây
144	143/QĐ-HĐQT	07/12/21	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Hội nghị Tổng kết năm 2021 và Hội Nghị người lao động năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
145	144/NQ-HĐQT	07/12/21	Về việc công nhận đánh giá, phân loại cán bộ và xếp loại thi đua khen thưởng các tập thể, cá nhân năm 2021 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
146	145/NQ-HĐQT	09/12/21	Về việc công nhận kết quả xếp loại thi đua khen thưởng của người quản lý Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây năm 2021
147	146/NQ-HĐQT	09/12/21	Về việc xếp loại thi đua khen thưởng của người quản lý Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây năm 2021
148	147/NQ-HĐQT	09/12/21	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cải tạo nâng cấp càn cẩu Gottwald HMK 170E
149	148/NQ-HĐQT	16/12/21	Về việc triển khai in ấn lịch tặng khách hàng, đối tác và cán bộ công nhân viên
150	149/NQ-HĐQT	22/12/21	Về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty CP Cảng Chân Mây
151	150/NQ-HĐQT	22/12/21	Về việc mua sắm quà tặng khách hàng, đối tác
152	151/NQ-HĐQT	24/12/21	Về việc phê duyệt Biểu giá dịch vụ cảng biển năm 2022
153	152/TB-HĐQT	28/12/21	Về việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2021
154	153/NQ-HĐQT	31/12/21	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
155	154/QĐ-HĐQT	31/12/21	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
156	155/QĐ-HĐQT	31/12/21	Về việc xếp lương cán bộ
157	156 NQ-HĐQT	31/12/2021	Về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát thiết kế và dự toán kinh phí bước thiết kế bản vẽ thi công dự án ĐTXD Bến số 02-Cảng Chân Mây

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.



1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Có 4/5 thành viên HĐQT của Công ty đã được cấp chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán đào tạo tại Đà Nẵng,

Số thứ tự	Thành viên HĐQT	Chứng nhận quản trị công ty
1	Ông Dương Bá Hòa	- Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cấp ngày 09/08/2016
2	Ông Huỳnh Văn Toàn	- Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cấp ngày 09/08/2016
3	Bà Hồ Hoàng Thị	- Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cấp ngày 09/08/2016
4	Ông Trần Văn Phong	- Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Quản trị công ty cấp ngày 09/08/2016

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Gồm 3 thành viên

- + Ông Phan Tuấn Anh : Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Công Định : Thành viên
- + Bà Lê Thị Hoàng Diệu : Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2021, Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ban kiểm soát đã ban hành 12 báo cáo, phối hợp với các phòng: Kinh doanh, Tài chính - Kế toán và 3 Xí nghiệp trực thuộc thành lập các Đoàn kiểm tra về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; Thẩm tra báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

a. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

- Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT:

+ Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt các chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia các góp ý về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các quyết định đầu tư và các dự thảo văn bản, quy chế của Công ty;

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc bám sát tình hình thực tế, linh hoạt trong công tác điều hành nhằm xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt kế hoạch đề ra;

+ Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện;

+ Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp có biên bản cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, tờ trình và các văn bản khác đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

+ Trong năm qua, bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty, Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đã vượt qua khó khăn, củng cố niềm tin với khách hàng, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch được duyệt. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Quy chế hoạt động của Công ty. Thường xuyên duy trì các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết;

+ Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban Tổng Giám đốc trong năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

b. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

- *Kiến nghị về kiểm toán dự án Bến số 2:* Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 19/1/2022 về việc tạm dừng thi công để quyết toán khối lượng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Bến số 2 - Cảng Chân Mây với tổng giá trị trên sổ sách kế toán là 343,8 tỷ đồng tính đến ngày 31/12/2021. Ban kiểm soát kiến nghị Lãnh đạo công ty chỉ đạo Ban quản lý dự án cho tiến hành kiểm toán các hạng mục, công trình của Dự án Bến số 2 đã hoàn thành tính đến thời điểm ngày 31/12/2021;

- *Kiến nghị về hoàn tiền ký quỹ Dự án Bến số 2:* Ngày 14/04/2017, Công ty đã chuyển tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng Bến số 02- Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ- KKTCN với số tiền 10 tỷ đồng. Căn cứ quy định tại khoản 9, Điều 26, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư ngày 26/03/2021, thay thế Nghị định số 118/2015/NĐ-CP việc hoàn trả số tiền ký quỹ được quy định như sau:

"Hoàn trả 50% số tiền đã ký quỹ hoặc giảm 50% mức bảo lãnh tại thời điểm nhà đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc chấp thuận khác để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có);

Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ số tiền ký quỹ (nếu có) hoặc chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư đã hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng;"

Ban kiểm soát kiến nghị Lãnh đạo công ty chỉ đạo bộ phận chuyên môn sớm hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình xây dựng Dự án Bến số 2 – (giai đoạn 1) liên hệ với Ban quản lý Khu kinh tế công nghiệp tỉnh để làm thủ tục hoàn tiền ký quỹ;

- *Về việc đẩy nhanh tiến độ thuê trang thiết bị, khai thác hiệu quả Bến số 2:* Bến số 2 đi vào hoạt động từ tháng 7/2021 với chiều dài 275m, tiếp nhận tàu hàng tổng hợp 50.000 DWT giảm tải. Tuy nhiên, qua kết quả khai thác trong 6 tháng cuối năm 2021 hiệu suất khai thác cầu bến số 2 chưa cao. Ban kiểm soát kiến nghị Lãnh đạo công ty cần chỉ đạo các bộ phận đẩy nhanh thủ tục thuê cần cầu chuyên dụng để phục vụ làm hàng Container đúng kế hoạch vào tháng 7/2022. Đồng thời đầu tư thêm thiết bị nâng hạ, hệ thống dịch vụ băng tải bổ sung tại cầu cảng số 2 nhằm tăng tối đa hiệu quả khai thác cầu bến.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Lương, thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát công ty năm 2021 được thực hiện áp dụng theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 53/2016/NĐ-CP, Tổng quỹ lương năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát công ty là: 3.504.000.000 đồng;

- Thủ lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

Stt	Chức danh	Thủ lao
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Hưởng lương, không hưởng thù lao
2	Thành viên HĐQT chuyên trách	Hưởng lương, không hưởng thù lao
3	Thành viên HĐQT kiêm điều hành	3.000.000 đồng/người/tháng
4	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ SBIC	3.000.000 đồng/người/tháng
5	Trưởng BKS, Thành viên bks chuyên trách	Hưởng lương, không hưởng thù lao
6	Thành viên BKS không chuyên trách	2.000.000 đồng/người/tháng

- Tổng quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 là: 132.000.000 đồng (4 người);

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.3. Giao dịch cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đang soạn thảo và dự kiến xin ý kiến của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để ban hành và áp dụng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo hướng dẫn của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

2.1. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

2.2. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

2. Tiêu thụ năng lượng

2.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng điện: 1.766.258 Kwh;

- Dầu Diesel và các loại dầu khác: 266.113 lít diesel và hơn 13.190 lít các loại dầu khác.

2.2. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong năm qua, Công ty đã có một số sáng kiến kỹ thuật có tính ứng dụng thực tiễn để đáp ứng nhu cầu tại cảng như hoàn thành lắp đặt máy phun nước trên xe chở gàu phục vụ vệ sinh sân bãi và đường nội bộ....



2.3. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

3. Tiêu thụ nước

3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nhà máy nước Chân Mây;
- Lượng nước sử dụng: 56.105m³.

3.2. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

4.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

4.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

5. Chính sách liên quan đến người lao động

5.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân của công ty trong năm 2020 là 303 người trong đó có 50 lao động nữ; luôn đảm bảo 100% lao động đều có việc làm;
- Năm 2021, thu nhập bình quân lao động đạt 11,71 triệu đồng/người/tháng tăng 7,23% so với năm 2020 (10,92 triệu đồng).

5.2. Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong những năm qua, việc cấp phát các trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ cho tất cả cán bộ công nhân viên theo đúng qui định của pháp luật và phù hợp với điều kiện làm việc tại cảng, đồng thời cũng thường xuyên kiểm tra nhắc nhở CBCNV chấp hành qui định về trang phục bảo hộ lao động trong quá trình tác nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh môi trường, kịp thời tổ chức phun thuốc diệt ruồi, muỗi quanh khu vực Cảng. Công tác vệ sinh công nghiệp thực hiện khá tốt góp phần làm sạch môi trường, mang lại sự thông thoáng khu vực cảng. Đối với công tác vệ sinh tại cầu cảng, Công ty cũng đã quán triệt đến từng xí nghiệp phải đảm bảo công tác vệ sinh trước và sau khi kết thúc công tác làm hàng, đảm bảo vệ sinh tránh tình trạng làm rơi vãi hàng trực tiếp xuống cầu cảng, thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy;

- Công tác **chăm lo cho quyền lợi, sức khỏe...của lao động nữ** tiếp tục được công ty quan tâm chu đáo (8/3 và 20/10 luôn tổ chức các hoạt động ý nghĩa);

- Công tác thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động được quan tâm, giải quyết kịp thời. Cụ thể, tổng số tiền đơn vị đã đóng BHXH, BHYT và BHTN hơn 6,9 tỷ đồng; chi giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức 117,1

triệu đồng; giải quyết trợ cấp thôi việc trong năm 10,673 triệu đồng. Tính đến hết năm 2021, Công ty không nợ tiền BHXH. Công ty cũng đã thực hiện chi trả phụ cấp độc hại cho 220 người (149 người thuộc diện bắt buộc) với tổng số tiền phụ cấp là 572,4 triệu đồng;

- Ngoài ra, do tính chất công việc tại Cảng có tính nguy hiểm cao, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn nghề nghiệp, đơn vị đã triển khai mua bảo hiểm con người kết hợp năm 2021 cho 295 CBCNV (theo hình thức 50/50), mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện đối với 42 cán bộ chủ chốt. Đây là hình thức bảo hiểm tự nguyện nhằm hỗ trợ CBCNV một phần viện phí khi ốm đau. Trong năm bảo hiểm đã chi hỗ trợ 8,185 triệu đồng cho các cán bộ công nhân viên;

- Ngoài ra, Công đoàn Công ty cũng đã phát huy được vai trò đại diện cho tập thể người lao động, phát huy tối đa quyền và lợi ích hợp pháp; thường xuyên xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định; tạo chuyển biến về nhận thức cho cán bộ công đoàn; xem thỏa ước lao động là căn cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Công tác thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ cũng được thực hiện chu toàn.

5.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác huấn luyện nghiệp vụ, chuyên môn thường xuyên được đơn vị quan tâm, tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho người lao động nhằm phục vụ tốt hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cho Công ty. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên công tác tổ chức cho CBCNV đi học tập, đào tạo... bị ảnh hưởng,.Trong năm 2021 công ty đã tổ chức cho 08 trường hợp tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện, tập huấn với tổng kinh phí 32.560.000 đồng. Đồng thời triển khai khóa đào tạo nhân sự phục vụ cho bến số 02 khi hàng container đi vào hoạt động, tổng số suất đào tạo là 40 suất với tổng kinh phí đào tạo 67,5 triệu đồng.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, do tình hình dịch bệnh nên các hoạt động vì cộng đồng Công ty tổ chức hạn chế hơn rất nhiều so với các năm trước, tuy nhiên Công ty cũng đã cố gắng cùng với các tổ chức đoàn thể trong công ty vận động cán bộ công nhân viên tham gia nhiều hoạt động thiết thực như: kêu gọi cán bộ, đoàn viên, người lao động trong Công ty bằng tinh cảm và trách nhiệm của mình tiếp tục phát huy truyền thống của đơn vị, tinh thần tương thân, tương ái tham gia đóng góp hỗ trợ 01 ngày lương ủng hộ “Quỹ vắc xin” nhằm chung tay đẩy lùi dịch bệnh. Tổng số tiền Công ty đóng góp cho công tác từ thiện, xã hội trong năm khoảng 175 triệu đồng.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVVALUES[®]**)
 Công ty thành viên của JPA International
 Địa chỉ đăng ký: 33 Phạm Văn Khê, phường 13, quận 5, TP.HCM
 Chi nhánh Đà Nẵng: 68/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,
 Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 Email: contact@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



Số: 07/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI CỔ ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bang cản đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Xuân Thạnh - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 1560-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: thôn Bình An, Xã Lộc Vinh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			3	4
1	2			
100	A. TÀI SẢN NGÀN HẠN		126.359.614.793	110.722.456.394
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	78.777.943.141	67.093.516.368
111	1. Tiền		21.777.943.141	19.093.516.368
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.000.000.000	48.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.137.530.217	22.305.878.718
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	17.780.528.881	10.052.355.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	2.939.461.087	876.508.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.182.322.808	13.141.797.060
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.264.782.559)	(3.264.782.559)
140	IV. Hàng tồn kho		4.658.264.697	3.456.933.147
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.658.264.697	3.456.933.147
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.785.876.738	17.866.128.161
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	284.111.215	225.993.394
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.499.759.960	17.624.167.570
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	2.005.563	15.967.197
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		596.599.381.780	578.961.549.379
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		584.407.204.401	268.824.420.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	584.399.011.334	268.793.856.203
222	- Nguyên giá		1.022.734.170.239	677.670.058.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(438.335.158.905)	(408.876.202.741)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	8.193.067	30.564.750
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.416.533)	(154.044.850)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.603.236.559	304.990.632.808
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	1.603.236.559	304.990.632.808
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.588.940.820	5.146.495.618
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	10.588.940.820	5.146.495.618
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		722.958.996.573	689.684.005.773



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Địa chỉ: thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộ, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			3	4
I	2			
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		370.163.366.372	329.143.617.379
310	I. Nợ ngắn hạn		126.114.392.193	75.249.328.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	5.334.867.538	7.337.781.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13.1	393.769.996	134.105.061
313	3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	3.37.181.165	466.449.042
314	4. Phải trả người lao động	V.15	11.089.327.276	10.962.610.171
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	37.208.998.254	2.685.560.460
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	497.699.988	497.699.989
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	52.450.057.014	44.463.900.583
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.1	12.000.000.000	7.154.684.837
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	4.018.300.032	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.784.190.930	1.546.536.544
330	II. Nợ dài hạn		244.048.974.179	253.894.289.342
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13.2	67.872.483.570	67.872.483.570
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.2	176.176.490.609	186.021.805.772
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		352.795.630.201	360.540.388.394
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	352.795.630.201	360.540.388.394
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.889.105.927	22.776.049.155
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.852.374.274	13.710.189.239
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.852.374.274	13.710.189.239
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		722.958.996.573	689.684.005.773

Phù Lộ, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN



Tổng Giám Đốc

HUỲNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

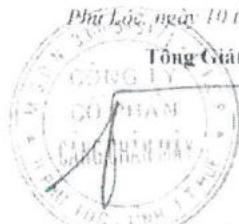
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	DVT: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	V1.1	166.939.258.801	137.163.956.805
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.939.258.801	137.163.956.805
11	4. Giá vốn hàng bán	V1.2	128.816.602.875	94.180.188.556
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.122.655.926	42.983.768.249
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	V1.3	1.667.043.218	1.948.435.338
22	7. Chi phí tài chính	V1.4	8.218.425.537	6.898.106
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.196.571.282	-
25	8. Chi phí bán hàng	V1.5	1.615.150.768	1.507.788.186
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	V1.6	27.795.903.543	27.457.808.712
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.160.219.296	15.959.708.582
31	11. Thu nhập khác	V1.7	15.243.815	24.638.603
32	12. Chi phí khác	V1.8	427.706	29.960.479
40	13. Lợi nhuận khác		14.816.109	(5.321.876)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.175.035.405	15.954.386.706
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V1.14	322.661.131	2.244.197.467
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.852.374.274	13.710.189.239
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V1.9	49	360
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	V1.10	49	360

Phó Giám đốc, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biên

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

BÙI THỊ NGỌC LINH

NGÔ KHÁNH TOÀN

HUỲNH VĂN TOÀN

Địa chỉ: thôn Bình An, xã Lộc Vinh, huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp giản tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DRAFT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước
			3	4	
1	2				
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.475.035.405		15.954.386.706
	2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	V.9, V.10	29.474.709.664		23.827.747.736
03	- Các khoản dự phòng		4.018.300.032		(3.385.360.343)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch ty giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		21.854.255		5.807.830
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.667.043.218)		(1.947.345.062)
06	- Chi phí lãi vay		8.196.571.282		-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-		-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		42.219.427.420		34.455.236.867
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(952.879.040)		18.396.915.469
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.201.331.550)		1.375.966.469
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.354.788)		(7.359.060.793)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.500.563.023)		(147.702.878)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-		-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.415.106.768)		-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(466.449.042)		(1.217.481.064)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-		-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(818.874.000)		(1.755.892.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.855.869.209		40.747.982.070
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(12.738.580.009)		(56.056.185.258)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		-		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-		-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-		-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-		-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-		-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.672.692.533		2.007.174.001
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.065.887.476)		(54.049.011.257)
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-		-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-		-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	-		27.386.310.890
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(5.000.000.000)		-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(83.700.705)		(16.177.123.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.083.700.705)		11.209.187.790
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		11.706.281.028		(2.091.841.397)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		67.093.516.368		69.186.448.041
61	Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.854.255)		(1.090.276)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	78.777.943.141		67.093.516.368

Phú Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022

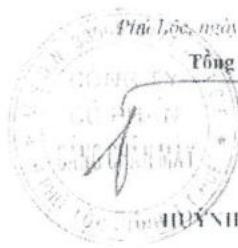
Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN

Tổng Giám đốc



HUY NHÂN VĂN TOÀN

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp. Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNC-P-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...



Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã tiến hành đưa công trình Bên số 2 vào sử dụng từ ngày 01/07/2021. Chi phí khấu hao tài sản cố định bên số 2 và chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến hoạt động của bên số 2 phát sinh lớn, làm cho giá vốn tăng cao. Mặt khác khi bên số 2 đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay không còn được vốn hóa vào giá trị công trình mà phải ghi nhận vào chi phí tài chính, làm cho chi phí tài chính tăng đáng kể so với năm trước. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chi phí liên quan đến hoạt động phòng chống dịch phát sinh trong năm tương đối lớn. Điều đó dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm nay giảm so với năm trước mặc dù doanh thu tăng.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 309 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 291 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán đồng tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm/Kỳ này
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tinh đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trứ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phai trả người bán, chi phí phai trả và khoản phai trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phai trả là phai trả người bán, chi phí phai trả và phai trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phai trả người bán phản ánh các khoản phai trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phai trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phai trả phản ánh các khoản phai trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phai trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phai trả khác phản ánh các khoản phai trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khé ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thoả mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc hóa hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một mức tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chửa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiết sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang lại vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giá giảm giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm chi phí lãi tiền vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rõ rệt và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rõ rệt và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	416.503.993	35.008.771
Tiền gửi ngân hàng	21.361.439.148	19.058.507.597
Các khoản tương đương tiền (*)	57.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	78.777.943.141	67.093.516.368



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng

Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng

- Ngân hàng Vietinbank - CN TT Huế	41.000.000.000	-	32.000.000.000	-
- Ngân hàng BIDV - CN TT Huế	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
- Ngân hàng Vietcombank - CN TT Huế	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-

Cộng

57.000.000.000 - 48.000.000.000 -

2. Phai thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

*Phai thu các bên liên quan**Phai thu các khách hàng khác*

- Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu Phúc Thịnh	17.780.528.881	10.052.355.692
- Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu giấy Huế	3.670.036.207	39.108.789
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Trust Marine	1.884.241.798	-
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	1.518.426.514	156.750.594
- Các khách hàng khác	1.310.393.722	-
	9.397.430.640	9.856.496.309
Cộng	<u>17.780.528.881</u>	<u>10.052.355.692</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

*Trả trước cho các bên liên quan**Trả trước cho người bán khác*

- Công Ty Cổ Phần UNICO VINA	2.939.461.087	876.508.525
- Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	842.500.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn và xây dựng Thịnh Long	502.500.000	502.500.000
- Công ty TNHH TM kỹ thuật Âu Châu	258.462.085	258.462.085
- Các nhà cung cấp khác	224.840.000	-
	1.111.159.002	115.546.440
Cộng	<u>2.939.461.087</u>	<u>876.508.525</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008 ngày 22/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay là 3 tháng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2009 ngày 13/05/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.801.250.374	513.918.664	2.095.839.976	513.918.664
- Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Công ty TNHH Du lịch Hoa Ti gôn	-	-	146.475.000	-
- Phải thu CBCNV về thuế thu nhập cá nhân	233.488.160	-	375.283.448	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	102.186.301	-	107.835.616	-
- Các đối tượng phải thu khác	310.001	-	980.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	884.428.505	-	549.816.197	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	10.496.643.929	-	10.496.140.887	-
- Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	251.793.929	-	251.290.887	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	13.182.322.808	513.918.664	13.141.797.060	513.918.664

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 - Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ-KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
Các tổ chức và cá nhân khác		<u>3.264.782.559</u>	-		<u>3.264.782.559</u>	-
- Công ty TNHH MTV Vận tai Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	-	>3 năm	2.171.369.272	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	-	>3 năm	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	-	>3 năm	154.849.350	-
- Công ty cổ phần nhựa dường Minh Đạt	>3 năm	144.750.000	-	>3 năm	144.750.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Than Đồng Bắc	>3 năm	83.858.340	-	>3 năm	83.858.340	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	-	>3 năm	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	-	>3 năm	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	-	>3 năm	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	-	>3 năm	1.136.519	-
Cộng		<u>3.264.782.559</u>	-		<u>3.264.782.559</u>	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.760.459.496	-	2.401.724.088	-
Công cụ, dụng cụ	1.289.115.765	-	618.952.500	-
Hàng hóa	608.689.436	-	436.256.559	-
Cộng	<u>4.658.264.697</u>	-	<u>3.456.933.147</u>	-

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**8.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	197.473.852	152.993.394
Chi phí thuê văn phòng	86.637.363	73.000.000
Công	284.111.215	225.993.394

Chi tiết biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	225.993.394	229.531.715
Tăng trong năm	546.414.960	450.825.232
Phân bổ trong năm	(488.297.139)	(454.363.553)
Số dư cuối năm	284.111.215	225.993.394

8.2. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	8.768.483.220	4.062.620.482
Chi phí công cụ dụng cụ	1.820.457.600	1.083.875.136
Công	10.588.940.820	5.146.495.618

Chi tiết biến động chi phí trả trước dài trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.146.495.618	4.995.254.419
Tăng trong năm	10.057.879.621	3.837.219.880
Phân bổ trong năm	(4.615.434.419)	(3.685.978.681)
Số dư cuối năm	10.588.940.820	5.146.495.618



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quan lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	541.610.066.858	99.720.081.535	33.590.336.909	2.249.573.642	677.670.058.944
Mua sắm trong năm	-	5.860.799.190	-	166.105.385	6.026.904.575
Đãu XDCB h/thanh	339.037.206.720	-	-	-	339.037.206.720
Số cuối năm	880.647.273.578	105.580.880.725	33.590.336.909	2.915.679.027	1.022.734.170.239
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	302.865.541.663	72.631.931.200	31.082.276.103	2.296.453.775	408.876.202.741
Khấu hao trong năm	22.271.650.044	6.330.527.660	635.410.152	221.368.308	29.458.956.164
Số cuối năm	325.137.191.707	78.962.458.860	31.717.686.255	2.517.822.083	438.335.158.905
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	238.744.525.195	27.088.150.335	2.508.060.806	453.119.867	268.793.856.203
Số cuối năm	555.510.081.871	26.618.421.865	1.872.650.654	397.856.944	584.399.011.334

- Nguyên giá TSCD đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2021: 39.930.582.019 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCD hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2021 là 339.565.675.857 đồng. (Xem thuyết minh số V.19)
- Giá trị còn lại TSCD cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	184.609.600	184.609.600
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	154.044.850	154.044.850
Khấu hao trong năm	22.371.683	22.371.683
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	176.416.533	176.416.533
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	30.564.750	30.564.750
Số cuối năm	8.193.067	8.193.067

- Nguyên giá TSCD đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2021: 101.169.600 đồng.
- Không có TSCD vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2021.
- Giá trị còn lại TSCD vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCD	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	300.621.012.101	45.976.121.556	344.940.212.295	679.558.544	977.362.818
- Công trình bến số 2 (*)	300.260.133.920	44.008.903.026	343.884.155.037	176.700.000	268.181.999
- Trạm biến áp bến số 2	-	1.013.850.873	1.013.850.873	-	-
- Công trình nhà kho	20.909.090	233.636.364	-	-	234.545.454
- Công trình sửa chữa Bến Số 1 (Bọc đầu cọc)	-	-	-	-	-
- Công trình nâng cấp bến 120m	339.969.091	-	-	-	339.969.091
- Các công trình khác	-	719.731.293	42.206.385	502.858.544	174.666.364
Chi phí sửa chữa tài sản	4.369.620.707	4.385.935.658	-	8.129.682.624	625.873.741
- Sửa chữa bọc đầu cọc bến số 1	4.192.496.132	2.419.568.182	-	6.612.064.314	-
- Sửa chữa thường xuyên bến mặt cầu dân BS 1	177.124.575	352.927.898	-	9.400.000	520.652.473
- Chi phí lên đà tàu CM 01	-	947.553.037	-	947.553.037	-
- Chi phí sửa chữa tài sản khác	-	665.886.541	-	560.665.273	105.221.268
Cộng	304.990.632.808	50.362.057.214	344.940.212.295	8.809.241.168	1.603.236.559

(*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HDCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.19).

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 8.976.091.179 đồng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	5.334.867.538	7.337.781.350
- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân (*)	3.180.698.970	3.180.698.970
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Tiến Lộc Phú	1.029.853.622	399.080.066
- Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu giấy Huế	484.163.437	703.623.863
- Các nhà cung cấp khác	640.151.509	3.054.378.451
Cộng	5.334.867.538	7.337.781.350

(*) Phải trả Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân theo Hợp đồng thi công xây dựng số 15/2018/HĐXD ngày 19/06/2018 về đầu tư xây dựng Công trình bến số 2.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn****13.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>393.769.996</i>	<i>134.105.061</i>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hải Dương	197.230.000	-
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuấn Hoàng	77.354.555	-
- Các khách hàng khác	119.185.441	134.105.061
Cộng	393.769.996	134.105.061

13.2. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phai trả các bên liên quan</i>		
<i>Phai trả các người bán khác</i>	<i>67.872.483.570</i>	<i>67.872.483.570</i>
- Royal Caribbean Cruises Ltd (*)	67.872.483.570	67.872.483.570
Cộng	67.872.483.570	67.872.483.570

(*) Khoản ứng trước theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.1).



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY
 Thiên Bình An, xã Lộc Minh, huyện Phù Lộ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuỷết minh Báo cáo tài chính

14. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phai thu	Phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phai thu
Thuế TNND	466.449.042	-	322.661.131	466.449.042	322.661.131	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.961.634	334.333.595	305.851.927	-	14.520.034
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	-	31.145.649	31.145.649	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	427.706	427.706	-	2.005.563
Cộng	466.449.042	15.967.197	694.568.081	809.874.324	337.181.165	2.005.563

(*) Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm để thực hiện dự án đầu tư bên số 02 đang được thẻ chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT460-CANGCHAMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyet minh số V.19).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tờ khai nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tờ khai nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập linh thuỷ suất 20%. Trong năm Công ty được giảm 30% thuế TNND phải nộp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-CP ngày 13/10/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng
 - + Các khoản chi phí không hợp lý
 - + Các khoản phạt vi phạm hành chính
 - + Xử lý công nợ nhỏ le
 - + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm
- Các khoản điều chỉnh giảm
 - + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm

Thu nhập chịu thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.175.035.405	15.954.386.706
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	129.686.959	75.595.204
- Các khoản điều chỉnh tăng	129.686.959	76.685.480
+ Các khoản chi phí không hợp lý	106.900.887	64.278.664
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	427.706	554.579
+ Xử lý công nợ nhỏ le	504.111	4.954.131
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21.854.255	6.898.106
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.090.276
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.090.276
Thu nhập chịu thuế	2.304.722.364	16.029.981.910
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	460.944.473	3.205.996.382
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	138.283.342	961.798.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	322.661.131	2.244.197.467

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	11.089.327.276	10.962.610.171
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	11.089.327.276	10.962.610.171

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	37.208.998.254	2.685.560.460
Chi phí quyết toán xây dựng công trình bến số 2	34.350.442.210	-
Chi phí lãi vay phải trả	2.781.464.514	2.605.913.926
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	77.091.530	79.646.534
Cộng	37.208.998.254	2.685.560.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	497,699,988	497,699,989
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	497,699,988	497,699,989
Cộng	497,699,988	497,699,989

18. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51.709.479.489</i>	<i>44.243.128.464</i>
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (*)	51.709.479.489	44.243.128.464
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>740.577.525</i>	<i>220.772.119</i>
- Kinh phí công đoàn	111.554.599	35.790.195
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bên số 2	82.543.481	85.415.265
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	90.000.000
- Phải trả tiền đồng phục cho nhân viên	450.000.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	96.479.445	9.566.659
Cộng	52.450.057.014	44.463.900.583

(*) Bao gồm khoản lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy: 16.684.922.964 đồng; khoản phải trả về cổ tức năm 2018, 2019 và 2020: 35.024.556.525 đồng (Số đầu năm bao gồm: Lãi vay phải trả: 16.684.922.964 đồng; cổ tức phải trả: 27.558.205.500 đồng).

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**19.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	12.000.000.000	12.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19.2. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	176.176.490.609	176.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	176.176.490.609	176.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772
Cộng	<u>176.176.490.609</u>	<u>176.176.490.609</u>	<u>186.021.805.772</u>	<u>186.021.805.772</u>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HDCVDADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả lâm 54 kỳ. Lãi suất vay được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sản lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bên số 2 – Cảng Chân Máy giai đoạn 1 tại vịnh Chân Máy, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bao đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bên số 2 - Cảng Chân Máy giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thể chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thu hưởng bao hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.11).

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ				
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	-	3.418.300.032	-	3.418.300.032
Dự phòng sửa chữa thiết bị Gottwald		600.000.000		600.000.000
	<u>-</u>	<u>4.018.300.032</u>	<u>-</u>	<u>4.018.300.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty trích lập dự phòng sửa chữa tài sản theo Quyết định số 13/QĐ-CNT của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy. Theo đó, Công ty có kế hoạch sửa chữa lớn tài sản định kỳ trong năm 2022 với tổng mức đầu tư kế hoạch là 16,64 tỷ đồng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.400.925.128	342.754.731	-	1.743.679.859
Quỹ phúc lợi	145.611.416	1.316.189.655	(421.290.000)	1.040.511.071
Quỹ thương Ban quản lý, điều hành	-	397.584.000	(397.584.000)	-
Cộng	1.546.536.544	2.056.528.386	(818.874.000)	2.784.190.930

22. Vốn chủ sở hữu**22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	363.144.933.007
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	13.710.189.239	13.710.189.239
Trích lập các quỹ	-	8.784.856.690	(11.165.262.092)	(2.380.405.402)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
Số dư cuối năm trước	324.054.150.000	22.776.049.155	13.710.189.239	360.540.388.394
Số dư đầu năm này	324.054.150.000	22.776.049.155	13.710.189.239	360.540.388.394
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.852.374.274	1.852.374.274
Trích lập các quỹ	-	4.113.056.772	(6.169.585.158)	(2.056.528.386)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.540.604.081)	(7.540.604.081)
Số dư cuối năm	324.054.150.000	26.889.105.927	1.852.374.274	352.795.630.201

Công ty Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị Quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Tình, huyện Phù Lộ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	324.054.150.000	324.054.150.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	7.540.604.081	13.934.328.450

(*) Công ty phân phối phổi lợi nhuận theo Nghị Quyết số 01/NQ-DHĐCD ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

22.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu thường</i>	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu thường</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu thường</i>	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.853.802.957	127.141.567.302
Doanh thu bán hàng hóa	16.085.455.841	10.022.389.503
Cộng	166.939.258.801	137.163.956.805

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	113.815.001.276	84.785.443.623
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.001.601.599	9.394.744.933
Cộng	128.816.602.875	94.180.188.556



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.667.043.218	1.947.345.062
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.090.276
Cộng	1.667.043.218	1.948.435.338

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.196.571.282	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21.854.255	6.898.106
Cộng	8.218.425.537	6.898.106

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	799.122.075	643.474.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.115.512	96.115.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.581.819	297.764.171
Chi phí khác	564.331.362	470.434.177
Cộng	1.615.150.768	1.507.788.186

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.471.299.142	13.695.647.945
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.235.003.782	2.338.421.938
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.924.637.823	1.990.995.472
Dự phòng phải thu khó đòi	-	43.425.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.568.586.816	3.256.155.592
Chi phí bằng tiền khác	6.596.375.980	6.133.162.765
Cộng	27.795.903.543	27.457.808.712



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.743.814	-
Thu từ bán hồ sơ mời thầu	10.000.001	-
Thu từ bồi thường	3.500.000	14.080.872
Các khoản thu nhập khác	-	10.557.731
Cộng	15.243.815	24.638.603

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp tiền thuế	427.706	554.579
Chi phí khác	-	29.405.900
Cộng	427.706	29.960.479

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.852.374.274	13.710.189.239
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(277.856.141)	(2.056.528.386)
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (**) (277.856.141)	(2.056.528.386)	(2.056.528.386)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.574.518.133	11.653.660.853
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	49	360

(*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ký túc lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 23/04/2021. Theo đó, tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 15% lợi nhuận sau thuế. Do đó, chỉ tiêu "lãi cơ bản trên cổ phiếu" của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là 360 đồng/cổ phiếu thay vì 383 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(**) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế (tương đương tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 23/04/2021).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.405.415	32.405.415

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.574.518.133	11.653.660.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	49	360

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.680.232.450	8.213.005.281
Chi phí nhân công	48.623.092.248	42.430.336.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.474.709.664	23.827.747.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.157.245.947	32.723.980.488
Chi phí khác	20.411.763.619	6.603.596.942
Cộng	143.347.043.928	113.798.666.949

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các cam kết**

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

///
/0
8.10
TP
A.II
V.I
DC
C.V

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Phú Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**BÙI THỊ NGỌC LINH**

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Cảng Chân Mây
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Xác nhận của**Người đại diện theo Pháp luật của Công ty**

TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Toàn



